BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP TOÀN KHÓA HỌC KHÓA K26HP-QTC NĂM 2020 - 2024
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH (HP)

STT	Thông tin sinh viên				ĐẠI CƯƠNG																																						
					Phương Pháp (Học Tập)			Công Nghệ Thông Tin	Khoa Học Tự Nhiên		Khoa Học Xã Hội										Triết Học & Chính Trị					Ngoại Ngữ (Chọn 12 trong 16)																
									Toán Học		(Chọn 1 trong 3)			(Chọn 2 trong 5)					Hướng Nghiệp																							
					COM 101	COM 102	PHI 100	CS 201	MTH 101	MTH 102	DTE 201	LAW 201	MED 268	AHI 391	AHI 392	EVR 205	HIS 221	HIS 222	DTE-BA 102	DTE-BA 152	HIS 362	PHI 150	POS 151	POS 351	POS 361	ENG 116	ENG 117	ENG 118	ENG 119	ENG 166	ENG 167	ENG 168	ENG 169	ENG 216	ENG 217	ENG 218	ENG 219	ENG 266	ENG 267	ENG 268	ENG 269
	Mã sinh viên	Họ	Tên Lót	Tên	2	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	1	2	3	2	2	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
DIỆN SINH VIÊN ĐỦ ĐK KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP																																											
1	26202133820	Nguyễn	Thị Ngọc	Diễm	8.1	6.9	6.9	6.8	6.5	7.5		7.2					7.1	6.2	8.3	8.7	8.1	7.7	8.2	6.9	6.7	7.9	7.6	6.8	6.6	8.1	5.3	8.4	6.7	4	6.1	4.4	7.4				
2	26212542487	Nguyễn	Thanh	Hải	7.2	6.6	6.3	7.8	6.8	8.5		8.9					9.8	9	9	7.1	7.5	8.5	7.4	9	8.1	6.7	7.9	7.6	9.3	6.8	8.1	8.8	9.3	7.7	8.2	9.9	9.2				
3	26202438235	Võ	An	Hoàng	8.8	6.9	7.9	7.6	6.4	8.3		7.7				8.1	7.4		9.2	9.4	8	7.2	7.3	9.2	6.9	7.7	8	7.5	7.2	9.2	8.7	8.6	7.1	5.9	7.6	6.1	8.2				
4	25202302215	Trần	Thị Lương	Huyền	7.6	7.1	7.4	6.3	7.2	6.3		6.9					6.8	9.1	8.7	8.6	7.2	6.6	9	6.4	6.6	8.9	7.6	4.8	8.1	7.1	6.4	7.9	8.1	8.2	8.7	7.3	8				
5	26202341760	Nguyễn	Như	Ngọc	8.4	7.2	8.3	7.7	8.6	9		8					9.8	8.9	9.2	9.7	9.2	8	7	9.6	8.4	8.7	8.4	8.5	9.2	8	9	8.2	8.9	8.3	8.6	8.8	8.8				
6	26202342492	Phan	Thị Thúy	Nhi	8.4	7.9	8.9	8.5	9.6	9.6		8.8					9.9	8.9	9.2	10	8.9	8.6	6.9	8.7	8.6	8.3	9.2	9.2	9.4	8.3	9.3	9.2	9.7	8.3	8.7	9.1	9.2				
7	26202341757	Nguyễn	Thị Thu	Tuyết	8.7	7.1	8.7	9.1	9.7	9.5		8.6					9.7	9.3	9.4	9.5	9.1	8.1	7.5	9.7	9.1	8.8	8.6	7.5	8.2	8.3	8.8	8	7.8	8.9	8.9	7.2	8.6				
8	26202342009	Nguyễn	Thị Thanh	Thảo	9.1	8	7.9	8.7	9.4	9.6		8.8					9.8	9.4	9.4	9.7	9.2	8.7	7.8	9.4	8.6	8.6	8.5	7.8	8.4	7.7	9	8.3	7.6	7.6	8.5	7.4	8.1				
9	26202334175	Đặng	Thị Hồng	Vi	9.1	8.3	8.9	9.2	9.4	9.1		9.1					9.6	9.8	9	9.5	9.2	8.5	8.2	9.5	9.1	7.6	7.9	7.3	8.9	8.3	9	7	7	7.1	8.3	6.9	8.4				
10	26207125179	Bùi	Xuân	Vĩ	8.4	7.8	8.4	8.7	7.3	8		8.1					9.6	9.1	9.4	9.7	6.6	7.9	7.8	8.8	6.9	7.4	6.6	6.4	7.6	8.4	4.3	7.1	5.4	7.8	6.1	6.5	7.7				
DIỆN SINH VIÊN VỚT ĐK KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP																																											
1	26212342408	Huỳnh	Quang	Vinh	8	6.7	8.4	9	9.4	8.8		8.5					9.7	9.2	9.2	9.5	6.7	8	7.6	8.7	6.6	7.1	8	8.5	8.2	7.9	7.3	8.7	9.1	7.5	7.9	X	8.3				
2	26202141608	Hoàng	Diệu	Linh	8.8	7.8	8.8	7.1	5.6	7.4		8					9.4	8.9	9.4	9.6	6.1	7.5	7.5	6.5	7.8	6	7.7	6.1	7.8	8.2	4.7	7.2	6.5	6	5.4	6.6	6.4				
3	25612217782	Xaisomphou	0	Khaikeo	8.8	8.7	6.2	7.5	5.6	5.6		8.5				8.5	7.8		8.6	9.6	7.8	8.9	9.5	8.3	8.1	8.5	8.4	9.1	7.5	7.6	8.7	8.8	9.1	8.5	6.8	8.4	7.2				
4	26212435172	Trần	Đình	Khải	7.4	5.9	7.3	6.3	6.9	7.4		6.5					9	8.5	8.8	9.1	7.4	8.8	5.6	4.5	5.6	8	7.3	5.6	4.2	8	4.6	8.4	7.1	4.9	5.1	6.4	6.7				
5	25612217785	Hongthong	0	Latdaphone	6.9	6.5	8	5.8	5.2	4.5		8.1				7.7	6.6		8.2	8.5	7.4	8.5	8.8	8.9	7.6	7.7	8.3	8.9	6.9	7.5	9	9.1	8.2	8.3	6.7	8.6	6.9				
DIỆN SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐK THAM GIA TN																																											
1	26212333397	Đậu	Trọng	Phú	8.2	6	7.9	7.8	6.1	7.9		8.8					9.3	9	9	9.4	6.7	7.5	6.2	X	5.6	7.5	7.9	7.4	6.4	8.3	5.7	7.6	5.4	6.6	5	5.8	6.5				

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2024

LẬP BẢNG	NGƯỜI KIỂM TRA	LÃNH ĐẠO KHOA	PHÒNG ĐÀO TẠO	KT. HIỆU TRƯỞNG
Đàm Dương Phương Loan				**ThS. Nguyễn Ân**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP TOÀN KHÓA HỌC KHÓA K26HP-QTC NĂM 2020 - 2024
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH (HP)

STT	Thông tin sinh viên				ĐẠI CƯƠNG NGÀNH																							CHUYÊN NGÀNH															Tổng tín chỉ hoàn thành	Tổng tín chỉ chưa hoàn thành	Tỉ lệ nợ			
					Kinh Tế									Kế Toán			Tiếp Thị	(Chọn 1 trong 2)		Hành Vi Tổ Chức	Quản Trị Nhân Sự	Tài Chính	Luật Pháp	Tài Chính & Ngân Hàng			Giải Pháp PBL	Kế Toán		(Chọn 1 trong 2)		(Chọn 1 trong 2)		Tài Chính Đầu Tư (Chọn 3 trong 5)					Giải Pháp PBL		Tài Chính						
					ECO 151	ECO 152	ECO 251	ECO 302	MGO 301	STA 151	STA 271	MGT 201	MGT 403	ACC 201	ACC 202	ACC 301	MKT 251	IS 251	IS 252	OB 251	HRM 301	FIN 301	LAW 403	FIN 271	FIN 272	FIN 302	FIN 296	ACC 302	ACC 303	FIN 380	LAW 362	BNK 404	BNK 405	FIN 383	FIN 401	FIN 406	FIN 424	FIN 473	FIN 396	FIN 496	FIN 400	FIN 402						
	Mã sinh viên	Họ	Tên Lót	Tên	3	3	2	2	3	3	2	2	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	1	2	3	3	2	3	2	2	3	2	2	3	1	1	2	3				Điểm 10	Điểm 4	Ghi chú
DIỆN SINH VIÊN ĐỦ ĐK KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆ																																																
1	26202133820	Nguyễn	Thị Ngọc	Diễm	6.6	5.6	6.1	4.1	6.7	6.4	5.7	4.5	5.2	6.4	6.2	4.1	6.6	5.4		7.9	6	4.9	8.5	7.9	7.8	5.6	9	4.7	8.4	8	7.2		6.3	5.1			6	7.8	8.5	8.8	4.9	5.5	128	0	0.0%	6.62	2.62	
2	26212542487	Nguyễn	Thanh	Hải	7.7	8.8	5.4	6.8	8.5	8.9	7.1	5.9	5.9	8	7.3	8	8	7.2		6.9	8.4	9.3	9.5	8.5	6.8	8.1	9.2	7.7	6.7	8.2			8.2	9			7.7	6.8	9.7	9.3	5.1	7.3	126	0	0.0%	7.83	3.33	
3	26202438235	Võ	An	Hoàng	7	6	5.9	6.6	5.2	7.9	6.4	5.2	5.9	7.2	6.2	5.3	8.3	6.3		8.1	5.5	4.9	7.7	7.8	6.3	6.6	9.1	4.9	6.6		7		8	5.4			5.9	8	8.5	8.8	5.3	7.2	125	0	0.0%	7.02	2.86	
4	25202302215	Trần	Thị Lương	Huyền	7.9	9.7	5.2	7.1	7.3	4.6	5.2	7.2	6.4	4.4	5.8	7.5	6.3	7		8.5	5.6	7.5	7.6	6.9	7.1	4.7	9	4.9	5.9	8.2			5.3	4.1		7.1		5.1	7.2	8.8	4.7	6	126	0	0.0%	6.78	2.72	
5	26202341760	Nguyễn	Như	Ngọc	7.7	8.3	7.7	7.4	8.6	8.9	6.5	5.2	7.8	7.4	8.4	8.8	8.6	8		7.9	9	8.5	9.2	8.8	8.6	8.7	8.9	9.1	9	9.6			9.7	7.9			7.7	7.5	10	8.9	7.2	8.6	126	0	0.0%	8.37	3.68	
6	26202342492	Phan	Thị Thúy	Nhi	9.7	9	7.5	7.2	9	9.9	6.9	7.7	8.7	7.9	9.2	9.2	9.8	7.8		8.6	9.2	8	9.6	9.5	9.1	8.5	9.4	9.3	9	9.7			9.6	7.4			8.3	8.3	9.7	9.4	6.6	8.7	126	0	0.0%	8.77	3.8	
7	26202341757	Nguyễn	Thị Thu	Tuyết	7.6	8.3	8.5	7.5	8.7	9.6	7.3	4.9	7.9	7.8	9.3	9.1	8.7	8.6		7.5	8.5	9.4	9.5	9.1	8.7	8.6	9.3	9.5	9.4	9.8			10	8.2			8.1	7	10	8.9	7	9	126	0	0.0%	8.59	3.75	
8	26202342009	Nguyễn	Thị Thanh	Thảo	8.3	8.2	7.8	7.7	8.5	9.6	6.9	4.8	7.6	8.2	8.8	8.9	8.5	8.4		6.6	8.1	8.5	9.3	9	8.9	8.9	9.2	9.3	9.4	9.7			9.3	7.5			8.5	8.8	10	9.4	8.4	8.7	126	0	0.0%	8.55	3.75	
9	26202334175	Đặng	Thị Hồng	Vi	7.7	8.6	7.7	7.4	8.2	9.1	6.7	5.5	9	8.5	9.5	9	8	8.4		8.1	8.9	8.2	9.5	8.5	9.1	9.3	9.5	9.5	9.6	9.7			9.6	7.7			7.4	7.8	10	9.2	6.5	8.6	126	0	0.0%	8.58	3.73	
10	26207125179	Bùi	Xuân	Vĩ	6.2	6.4	6.2	4.2	4.5	8	6.3	5.1	4.4	7.5	8.6	7.3	6.8	7.2		8.1	5.3	5.2	7.6	8.8	7.5	5.7	9.3	4.6	6.3	8.3			6	4.1			7.2	6.5	8.3	8.3	5.3	5	126	0	0.0%	6.94	2.81	
DIỆN SINH VIÊN VỚT ĐK KHÓA LUẬN TỐT NGH																																																
1	26212342408	Huỳnh	Quang	Vinh	8.2	7.5	7	8.6	6.7	8.5	6.7	6.3	6.4	6.8	8.4	8.1	7.4	8		7.9	8.8	7.4	9	8.7	8.2	7.1	9.2	5.5	6.5	9.3			9.2	5.4			7.3	7	8.3	9.6	5.1	6.3	125	1	0.8%	7.8	3.33	
2	26202141608	Hoàng	Diệu	Linh	5.7	6.6	4.7	4.2	4	8.1	6.8	4.4	5.2	6.9	5.4	5.3	6.1	6.1		7.4	7.2	5.4	8.4	9	6.8	4.9	9	5.6	6.3	7.3			8.9	0		X	6.7	6.5	8.3	9.2	X	5.7	122	4	3.2%	6.65	2.59	
3	25612217782	Xaisomphou	0	Khaikeo	5.7	6.9	5.7	5.5	4.9	5	4	7.8	6.4	7	5.3	6	4.8	6		5.2	4.9	7.9	8.1	6.6	6.1	5	9.8	X	6.5		5.2		5.4	5.3			5.1	7.7	7.9	9.7	X	8.2	121	4	3.2%	6.84	2.76	
4	26212435172	Trần	Đình	Khải	7.4	6.3	4.2	5	X	7.6	6.3	5.2	4.4	7.2	5	5.9	6.9	6.6		7	6.4	5	6.7	7.8	5.9	4.8	9.1	5	X	8.4			5.8	5.5			5.3	7.2	7.5	8	5.5	7.9	120	6	4.8%	6.42	2.48	
5	25612217785	Hongthong	0	Latdaphone	4.9	4.5	5.4	5.3	5.2	4.8	4.4	4.9	7.2	4.9	4.5	4.1	5.5	6		4.6	6.1	6.1	7	5.2	5.1	5.5	9.5	4.3	5.3		5.1		5.1			X	X	6.6	7.9	9.7	X	6.9	119	6	4.8%	6.26	2.42	
DIỆN SINH VIÊN KHÔNG ĐỦ ĐK THAM GIA TN																																																
1	26212333397	Đậu	Trọng	Phú	6.6	6.2	4.5	7.2	X	7.6	5.9	5.6	4.2	7.1	5.5	4.6	4.5	5.2		7.2	6	6.1	8.6	7.8	6.9	6.5	9.2	6.3	6.4	6.6			8.5	0		X	6.6	5.4	7.5	8	4.2	5.7	119	7	5.6%	6.52	2.54	

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2024

LẬP BẢNG	NGƯỜI KIỂM TRA	LÃNH ĐẠO KHOA	PHÒNG ĐÀO TẠO	KT. HIỆU TRƯỞNG
Đàm Dương Phương Loan				ThS. Nguyễn Ân